| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 01 - 2024
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Tập, bà Trần Thị Liên.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Hoàng Phương Loan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 18/01/2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 801/2023/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/01/2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1983 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số nhà 33 đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1982 (vắng mặt).
Nơi đăng ký HKTT: Số nhà 33 đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
Chỗ ở hiện nay: Tổ 23, khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*1. Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày:*

Anh Nguyễn Đình H và chị Nguyễn Thị L kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 18/12/2009 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B. Thời gian đầu hôn nhân hạnh phúc, sau đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Sau khi kết hôn, anh H và chị L sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 33 đường L, phường T, thành phố B, tuy nhiên từ khoảng năm 2020 cho đến nay chị L thường xuyên bỏ về nhà mẹ đẻ tại thị xã T, tỉnh Tây Ninh, thỉnh thoảng chị L mới về thăm con. Nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Anh H và chị L có 02 con chung gồm cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 24/4/2011 (hiện anh H trực tiếp nuôi dưỡng) và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 13/8/2017 (hiện chị L trực tiếp nuôi dưỡng). Sau khi ly hôn, anh H có

nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Tiến Đ và giao cháu Nguyễn Minh K cho chị L nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*2. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 01/12/2023, bị đơn trình bày*:

Năm 2009, chị Nguyễn Thị L kết hôn với anh Nguyễn Đình H, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B. Đến năm 2011, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn kéo dài và không thể hàn gắn được. Hiện nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn đối với anh Nguyễn Đình H.

Về con chung: Chị L và anh H có 02 con chung như lời trình bày của anh H là đúng. Sau khi ly hôn, chị L trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Minh K và đồng ý giao cháu Nguyễn Tiến Đ cho anh H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị L không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh H và chị L vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho anh Nguyễn Đình H được ly hôn đối với chị Nguyễn Thị L. Về con chung, giao cháu Nguyễn Tiến Đ cho anh Nguyễn Đình H và giao cháu Nguyễn Minh K cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Đình H và chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị L kết hôn tự nguyện, đăng ký kết

hôn theo quy định của pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H và chị L đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn hôn nhân không thể hàn gắn được và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Nguyễn Đình H và chị Nguyễn Thị L đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Anh H và chị L có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 24/4/2011 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 13/8/2017. Xét yêu cầu của anh H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến Đ và yêu cầu của chị L được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh K là có căn cứ, nhằm đảm bảo quyền lợi cũng như phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Đình H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.*

*Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Đình H.

*Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Đình H được ly hôn đối với chị Nguyễn Thị L.

*Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 24/4/2011 cho anh Nguyễn Đình H; giao cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 13/8/2017 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

*Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Đình H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp

(anh Trần Hữu T nộp thay) theo Biên lai số AA/2022/0004598 ngày 04/10/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp BMT;
- Chi cục THADS Tp BMT;
- UBND phường T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Thanh Tùng**